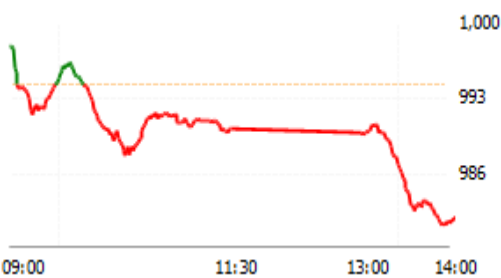


Dữ liệu thị trường ngày 26/02/2019

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	987.06	107.66
Thay đổi (điểm)	- 7.37	0.05
Thay đổi (%)	- 0.74%	0.05%
KLGD (triệu ck)	251.65	69.02
GTGD (tỷ đồng)	5,176.62	1,134.29

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

VN-Index	159.28	(tỷ đồng)
HNX-Index	- 529.90	(tỷ đồng)
UPCOM-Index	9.90	(tỷ đồng)

VN-Index

HNX-Index

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Chỉ số VNINDEX hôm nay có mức giảm rất mạnh, đặc biệt vào đầu phiên chiều thị trường giảm rất mạnh bởi áp lực bán từ những cổ phiếu trụ. Đóng cửa mức giảm được thu hẹp một phần, VNINDEX giảm 7.37 điểm, đạt 987.06 điểm.
- Các cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm nhiều nhất là VRE (+ 0.23 điểm), DHG (+ 0.07 điểm), GEX (+ 0.07 điểm), VHC (+ 0.05 điểm) và CTG (+ 0.04 điểm).
- Các cổ phiếu tác động chỉ số giảm điểm chiếm áp đảo gồm VNM (- 1.79 điểm), VHM (- 0.51 điểm), VIC (- 0.49 điểm), GAS (- 0.48 điểm) và VCB (- 0.29 điểm).
- Giá trị giao dịch hôm nay đạt mức rất cao. Đóng cửa VNIndex giảm 7.37 điểm, dòng tiền phân hóa tăng giảm rõ rệt, số mã tăng/giảm đạt 132/170.
- Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa đạt 987.06 điểm, khối lượng giao dịch đạt mức cao trong phiên hôm nay và HNX-Index đóng cửa đạt 107.66 điểm.
- Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay, giá trị mua ròng duy trì ở mức cao, đạt 159 tỷ đồng. Trên HNX khối ngoại bán ròng đạt 529.9 tỷ đồng, trong đó VGC bán thỏa thuận 548.5 tỷ đồng. *(thống kê giao dịch chi tiết tại trang 4).*

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG TÓM TẮT

VNINDEX hôm nay chịu nhiều áp lực bán mạnh từ nhóm cổ phiếu trụ. Mặt khác, sau một thời gian tăng dốc từ 920 lên 990 điểm, nên nhịp chỉnh trong hôm nay là điều cần thiết, nhất là khi các thông tin về cuộc chiến thương mại đã giảm dần hiệu ứng.

Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Nhóm OPEC+ đã giảm sản lượng dầu, cùng với đó Mỹ áp lệnh trừng phạt lên Iran và Venezuela cũng góp phần dẫn đến giá dầu tăng mạnh. Nhưng việc ông Trump “phản nản” về giá dầu đã tác động đến tâm lý thị trường khi cho rằng cung dầu có thể sớm tăng trở lại. Đóng cửa giao dịch rạng sáng nay, giá dầu Brent đạt mức 64.76 USD/thùng (- 3.3%), dầu WTI đạt 55.48 USD/thùng (- 2.96%). Mức tăng điểm vừa qua của các thị trường chứng khoán trên thế giới cũng đã phản ánh phần nào những thông tin tích cực lên về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Vì vậy, tuần này dự báo thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ có những giao dịch biến động ở mức vừa phải nhằm đợi các động thái tiếp theo.

Kịch bản nào cho thị trường (Chi tiết nhận định và tham khảo đồ thị trang 2-3)

Chỉ báo RSI đạt giá trị 76 nhưng vẫn nằm trên đường 70, nếu RSI cắt xuống đường 70 xu hướng giảm sẽ mở rộng hơn. Mặt khác, chỉ báo dòng tiền MFI hôm nay đạt 81 điểm giảm từ mức 90 điểm vào phiên trước, nếu chỉ báo này cắt xuống đường 80 tín hiệu bán cũng sẽ được xác nhận.

Như chúng tôi đã dự báo, VNINDEX đang rơi vào nhịp điều chỉnh, kịch bản tích cực VNINDEX sẽ giảm dần xen kẽ những nhịp hồi và tiến vào vùng dưới của khoảng gap, tương ứng với mức khoảng 973 điểm. Trong kịch bản xấu, mức điều chỉnh sẽ hướng về 950 điểm. Chỉ báo RSI Weekly cho thấy mức tăng hiện tại vẫn được duy trì nên sau nhịp điều chỉnh, VNINDEX sẽ sớm phục hồi trở lại.

Hành động:

- (1) NĐT có thể lướt sóng danh mục trong các nhịp giảm trong các phiên tới. Sau đó, NĐT có thể tăng tỷ trọng tại vùng khoảng 960.
- (2) NĐT chấp nhận khả năng điều chỉnh sâu, cơ cấu lại danh mục về mức an toàn và chờ VNINDEX giảm về khoảng 950 sau đó tiến hành mua lại, để đón nhịp tăng mới. Giai đoạn này, nếu lướt sóng NĐT chú ý chia nhỏ lượng dự tính mua làm 3 phần, mua 3 ngày để tránh rủi ro cũng như tăng tính chủ động trong trường hợp thị trường xấu đi thì T+3 cổ phiếu đã về để sẵn sàng bán.

PHÒNG PHÂN TÍCH-ĐẦU TƯ

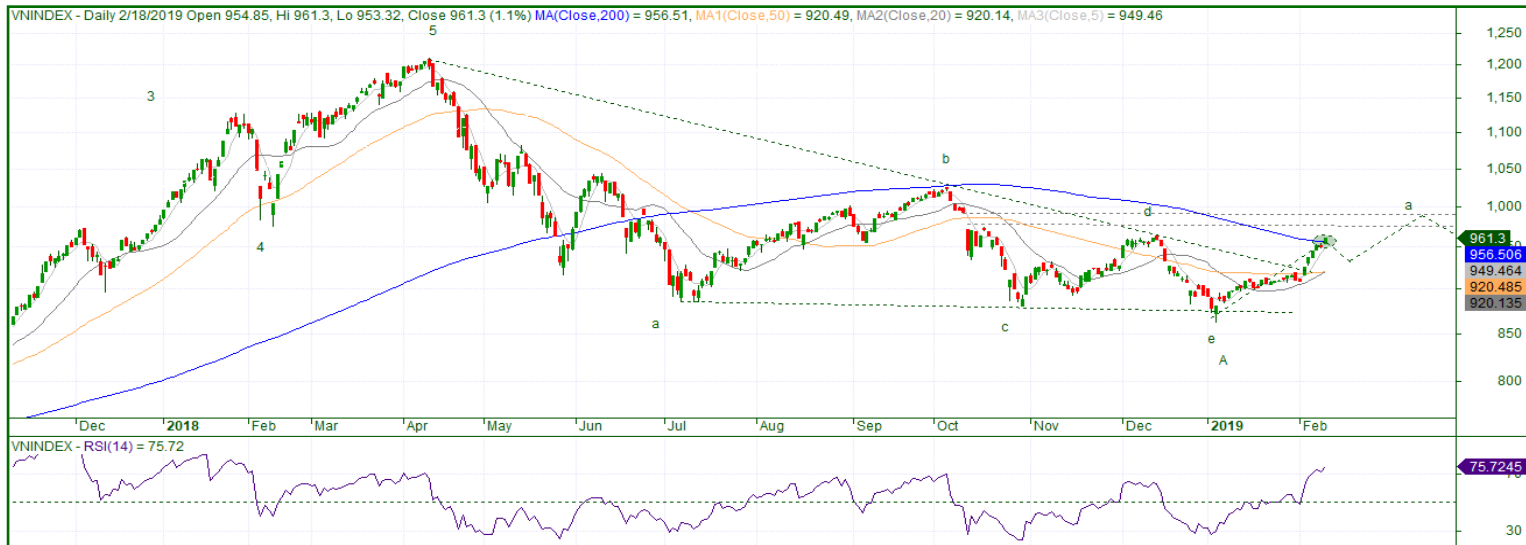
Địa chỉ: 468 Nguyễn Thị Minh Khai P2 Q3

TP Hồ Chí Minh

Tel: 84 28 38336333

Ext: 171

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Cuộc họp Mỹ - Trung đã khép lại với việc đưa ra thông báo lùi thời hạn áp thuế lên Trung Quốc, tuy nhiên vẫn chưa có các thông tin chính thức về kế hoạch chi tiết cho sự kiện này sau 1/3. Cuộc chiến thương mại lúc này có thể gọi là “tạm nghỉ”, trong khi đó, ông Donald Trump đang chuẩn bị sang Việt Nam để tham gia cuộc Hội nghị Mỹ - Triều Tiên.

Sau mức giảm mạnh của giá dầu vào Quý 4/2018, nhóm OPEC+ đã giảm sản lượng dầu, cùng với đó Mỹ áp lệnh trừng phạt lên Iran và Venezuela cũng góp phần dẫn đến giá dầu tăng mạnh. Nhưng việc ông Trump “phản nản” về giá dầu đã tác động đến tâm lý thị trường khi cho rằng cung dầu có thể sớm tăng trở lại. Đóng cửa giao dịch rạng sáng nay, giá dầu Brent đạt mức 64.76 USD/thùng (- 3.3%), dầu WTI đạt 55.48 USD/thùng (- 2.96%). Mức tăng điểm vừa qua của các thị trường chứng khoán trên thế giới cũng đã phản ánh phần nào những thông tin tích cực lên về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Vì vậy, tuần này dự báo thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ có những giao dịch biến động ở mức vừa phải nhằm đợi các động thái tiếp theo.

Kịch bản nào cho thị trường (tham khảo thêm đồ thị trang 3):

VNINDEX hôm nay chịu ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán thế giới, các thông tin về cuộc chiến thương mại đã phản ánh vào mức tăng trong 2 tuần vừa qua, trong khi đó giá dầu đóng cửa rạng sáng nay có mức giảm mạnh cũng đã tác động đến tâm lý thị trường chứng khoán Việt Nam. Mặt khác, VNINDEX tăng dốc gặp phải kháng cự 1000 điểm nên nhịp điều chỉnh hôm nay là cần thiết trước khi VNINDEX có thể tiếp tục tăng trở lại.

Hôm nay, các chỉ báo kỹ thuật đã quay đầu giảm. Chỉ báo RSI đạt giá trị 76 nhưng vẫn nằm trên đường 70, nếu RSI cắt xuống đường 70 xu hướng giảm sẽ mở rộng hơn. Mặt khác, chỉ báo dòng tiền MFI hôm nay đạt 81 điểm giảm từ mức 90 điểm vào phiên trước, nếu chỉ báo này cắt xuống đường 80 tín hiệu bán cũng sẽ được xác nhận.

Như chúng tôi đã dự báo, VNINDEX đang rơi vào nhịp điều chỉnh, kịch bản tích cực VNINDEX sẽ giảm dần xen kẽ những nhịp hồi và tiến vào vùng dưới của khoảng gap, tương ứng với mức khoảng 973 điểm. Trong kịch bản xấu, mức điều chỉnh sẽ hướng về 950 điểm. Chỉ báo RSI Weekly cho thấy mức tăng hiện tại vẫn được duy trì nên sau nhịp điều chỉnh, VNINDEX sẽ sớm phục hồi trở lại.

CHỈ BÁO NGẮN HẠN

RSI Trung bình

Volume Tích cực

MA(20) Tích cực

Ichimoku (tuần) Tích cực

HỖ TRỢ NGẮN HẠN

Hỗ trợ 1: 950 điểm Hỗ trợ 2: 930 điểm

HỖ TRỢ TRONG PHIÊN

Hỗ trợ 970 điểm

CHỈ BÁO XU HƯỚNG

RSI (tuần) Tích cực

Bollinger Bands Trung bình

MA(200) Trung bình

Elliott ngày Tích cực

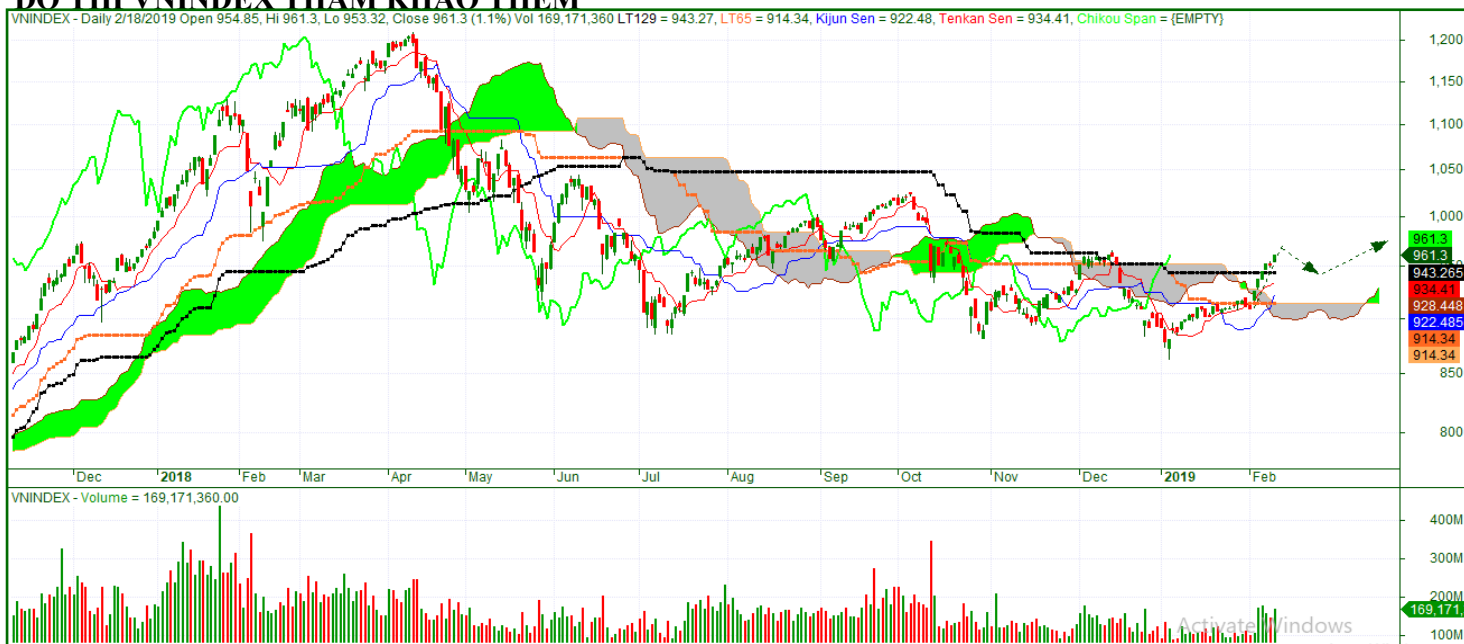
KHÁNG CỰ NGẮN HẠN

Kháng cự 1: 960 điểm Kháng cự 2: 1000 điểm

KHÁNG CỰ TRONG PHIÊN

Kháng cự 995 điểm

ĐỒ THỊ VNINDEX THAM KHẢO THÊM



CHỈ SỐ DOW JONES



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thông kê giao dịch trên HOSE

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
GEX	2,086,780	50,412,000
VCB	657,670	41,545,240
HPG	1,121,160	39,039,800
SSI	1,287,490	36,551,940
MSN	211,240	19,021,000

Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VHM	-557,190	-51,101,980
VIC	-338,500	-39,154,250
DHG	-210,690	-23,618,520
PVD	-915,000	-15,742,249
PLX	-257,610	-14,834,840

Thông kê giao dịch trên HNX

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
PVS	1,504,055	30,735,001
DGC	2,600	113,206
DHT	2,800	106,950
TV2	700	91,839
AMV	2,300	78,171

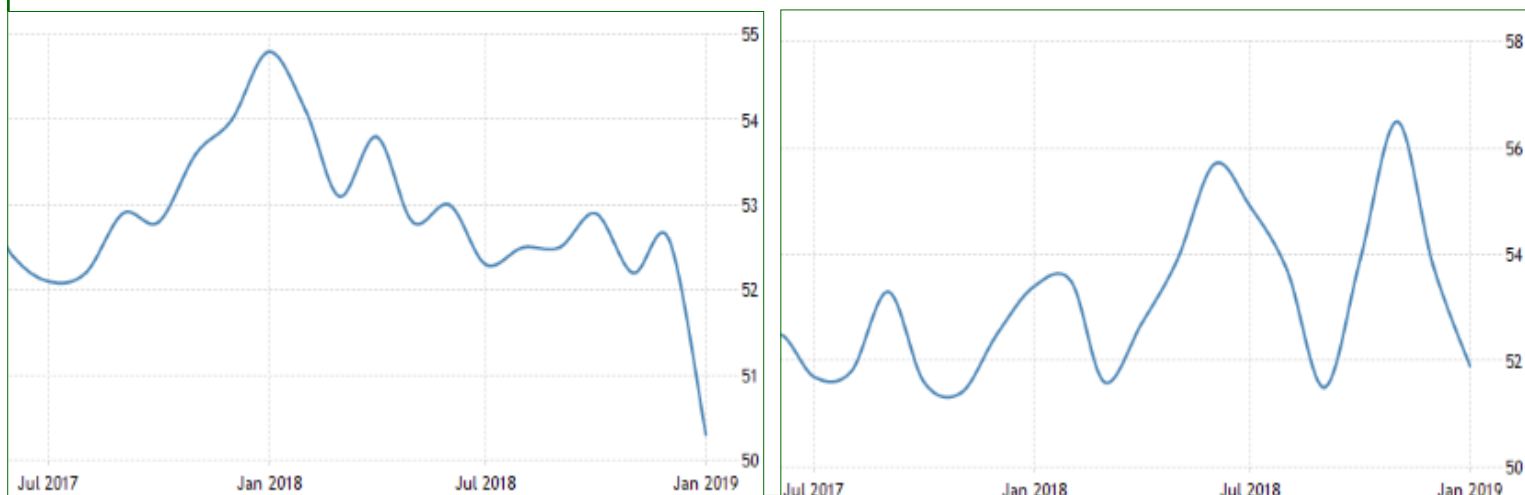
Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VGC	-27,747,600	-592,582,569
NRC	-57,000	-2,000,705
NTP	-19,244	-746,239
INN	-20,100	-604,955
BVS	-44,400	-560,862

Danh sách cổ phiếu đang khuyến nghị - Chi tiết khuyến nghị tại [đây](#)

Thời gian	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 1	Mã cổ phiếu	Giá tham chiếu	Kháng cự 1	Kháng cự 2
13/2/2019	17,000	18,000	PVS	20,300	20,000	22,500
13/2/2019	80,000	85,000	GAS	99,300	99,000	115,000
13/2/2019	20,500	21,500	GEX	23,650	23,400	25,500
13/2/2019	16,700	17,500	LHG	19,750	20,200	21,500
13/2/2019	28,000	29,000	HPG	33,900	31,400	33,500
13/2/2019	15,000	16,200	PVB	17,100	17,200	19,500
13/2/2019	36,000	38,000	HVN	39,100	43,000	46,000
13/2/2019	40,000	42,000	FPT	45,200	47,000	50,000
13/2/2019	23,000	25,000	DQC	26,550	28,000	30,000
13/2/2019	22,000	23,000	PC1	23,050	25,600	28,000
13/2/2019	45,000	48,000	BMP	49,000	52,500	58,000
13/2/2019	25,000	28,000	DHC	33,800	34,500	37,500
13/2/2019	25,000	26,500	GMD	27,450	28,000	30,000

PMI Nhật Bản (trái) và PMI Việt Nam (phải)

Nếu PMI trên 50, tức là hoạt động sản xuất được mở rộng so với tháng trước. Ngược lại, khi chỉ số dưới mức 50, đó là biểu hiện của sự chững lại trong hoạt động sản xuất. Còn nếu PMI ở mức 50, hoạt động sản xuất không có gì thay đổi.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Một số thông tin về tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI & FII) và PMI (Purchasing Managers' Index - Chỉ số nhà quản trị mua hàng) của Việt Nam trong tháng 1/2019.

Từ đầu năm đến 20/1/2019, Tổng vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 1,145 triệu USD (+27.3% so với cùng kỳ), giải ngân đạt 1,550 triệu USD (+9.2% so với cùng kỳ). Trong đó, 226 dự án đăng ký cấp mới với số vốn đăng ký đạt 805 triệu USD và 72 dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn với số vốn tăng thêm đạt 340 triệu USD. Ngoài ra, vốn FII dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần vào các công ty tại Việt Nam đạt tổng giá trị góp vốn là gần **762 triệu USD** (+114% so với cùng kỳ).

Cơ cấu thu hút vốn FDI:

- Những quốc gia đầu tư vốn FDI vào Việt Nam nhiều nhất trong tháng 1 là Nhật Bản 353.2 triệu USD, Trung Quốc 233.4 triệu USD và Hàn Quốc là 144 triệu USD.
- Những ngành thu hút vốn FDI nhiều nhất là: Chế biến chế tạo đạt 915.7 triệu USD (chiếm 79.95% tổng vốn FDI đăng ký), cung cấp nước đạt 72.2 triệu USD (chiếm 6.3%) và Vận tải kho bãi đạt mức 65.4 triệu USD (chiếm 5.71%).
- Những địa phương thu hút vốn FDI lớn gồm Tp.Hồ Chí Minh 172 triệu USD (chiếm 15%), Bình Dương 150.6 triệu USD (chiếm 13.1%) và Hải Dương 124.9 triệu USD (chiếm 10.9%).

Tình hình XNK khu vực đầu tư nước ngoài trong Tháng 1/2019: Xuất khẩu (kể cả dầu thô) đạt 13.6 tỷ USD (giảm 5.1% so với cùng kỳ), nhập khẩu 11.8 tỷ USD (giảm 1.3%), qua đó xuất siêu 1.8 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu tính chung cả nền kinh tế, trong tháng 1 Việt Nam xuất siêu đạt 0.8 tỷ USD, trong đó nhập khẩu 20.8 tỷ USD (tăng 3.1%) và xuất khẩu 20 tỷ USD (giảm 1.3%).

PMI Tăng trưởng ở mức vừa phải đầu năm:

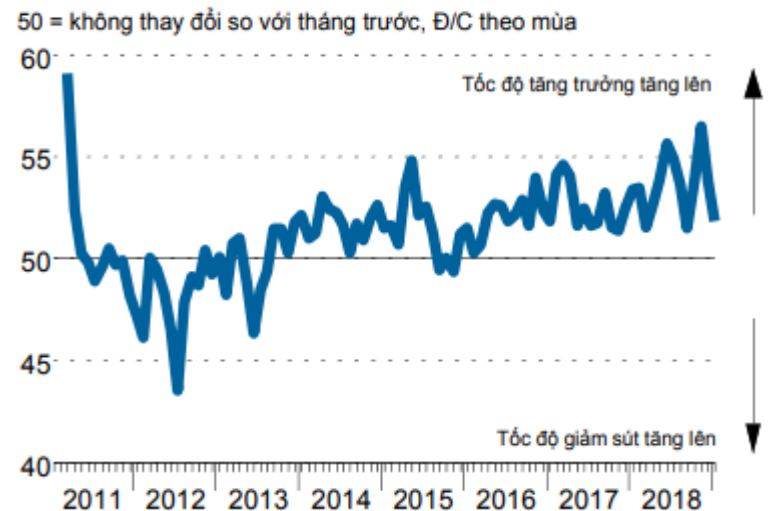
Theo Nikkei, chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) lĩnh vực sản xuất Việt Nam đạt 51.9 điểm, tăng trưởng ở mức vừa phải trong tháng 1/2019. Cụ thể,

- Tốc độ tăng sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tiếp tục chậm lại so với mức cao trong tháng 11/2018.
- Chi phí đầu vào tăng nhẹ, trong khi giá cả đầu ra đã giảm lần thứ tư liên tiếp trong năm tháng qua.
- Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng nhẹ trong tháng 1. Tăng trưởng vẫn còn mạnh khi các báo cáo cho thấy nhu cầu khách hàng cải thiện. Sản lượng tăng trong suốt 14 tháng qua, cùng với mức tăng số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục tăng nhu với tốc độ yếu hơn tháng 12.

- Áp lực lạm phát tiếp tục mờ nhạt, giá cả đầu vào chỉ tăng nhẹ trong khi các công ty tiếp tục giảm giá cả đầu ra. Giá bán hàng đã giảm suốt bốn trong năm tháng qua.
- Các nhà sản xuất tiếp tục tuyển thêm nhân viên trước tình trạng số lượng đơn đặt hàng mới. Năng lực bổ sung này đã giúp các công ty giải quyết số lượng công việc chưa thực hiện khi tốc độ tăng số lượng đơn hàng mới đã chậm lại, từ đó lượng công việc tồn đọng đã giảm lần đầu tiên trong 3 tháng qua.
- Hàng tồn kho tiếp tục tăng trong tháng 1, tồn kho trước và sau sản xuất đều tăng.
- Thời gian mà các nhà cung cấp dùng để chuyển hàng đã kéo dài thêm lần thứ hai liên tiếp khi nhu cầu hàng hóa đầu vào tiếp tục tăng. Tuy nhiên, thời gian giao hàng chỉ tăng nhẹ, như đã xảy ra trong tháng 12.

Tổng kết: Chỉ số PMI toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam của Nikkei đã đạt **51,9** điểm trong tháng 1, giảm từ mức 53,8 của tháng 12 xuống mức thấp nhất kể từ tháng 9 năm ngoái, nhưng đến nay tăng trưởng đã được ghi nhận trong 38 tháng liên tiếp. Các điều kiện, môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện cùng mức độ lạc quan hứa hẹn sẽ tiếp tục đem lại tích cực. Song, những bất ổn về tình hình thương mại toàn cầu có thể sẽ tác động đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp.

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Bất động sản khu công nghiệp - Gặp nhiều thuận lợi.

Nguồn cung dồi dào, nhu cầu lớn:

Đối với các KCN phía Bắc, phân khúc chiếm tỷ trọng lớn là cho thuê với khách hàng là doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG. Theo JLL, giá cho thuê đất KCN tính đến cuối năm 2018 là khoảng 82USD/m²/thời hạn thuê dưới 50 năm. Dự báo triển vọng các KCN phía Bắc tiếp tục được hưởng lợi khi: (i) Chi phí thuê công nhân vẫn rẻ hơn so với các nước như Trung Quốc, mặt khác Việt Nam sở hữu vị trí địa lý thích hợp khi nằm trong khu vực giao thương với các nền kinh tế lớn, (ii) Chiến tranh thương mại diễn biến ngày càng phức tạp, thúc đẩy các doanh nghiệp chọn Việt Nam như một điểm đến cho việc xây dựng nhà máy, (iii) Nhu cầu mở rộng sản xuất của các tập đoàn lớn Samsung, LG; đặc biệt với sự xuất hiện của Vinfast. Tại khu vực phía Bắc, diện tích đất thương phẩm chưa cho thuê của KBC là 843 ha đất, VGC là 911 ha đất (VGC có các khu công nghiệp dần trải hơn, sẽ gặp khó khăn hơn).

Đối với khu vực miền Nam, các doanh nghiệp thuê đất chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất công nghiệp, hóa chất. Theo JLL, nguồn cung KCN tại phía Nam cuối 2018 đón nhận thêm các thị trường BR-VT và Bình Phước, đạt tổng diện tích tại đây là 39 ha, tăng 5.4% so với nửa đầu 2018. Bình Dương và Đồng Nai vẫn là nguồn cung chính khi chiếm 56% tổng nguồn cung. Vào cuối Q4/2018, tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 72%, giảm do nguồn cung mới. Tuy nhiên, tỷ lệ lấp đầy chung vẫn ghi nhận mức tăng 200-600 điểm phần trăm so với nửa đầu năm 2018 cho mỗi tỉnh. Chúng tôi cho rằng, nhu cầu tiếp tục gia tăng một cách mạnh mẽ khi (i) Các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan tiếp tục dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam, theo JLL các nhà máy xây sẵn đạt tỷ lệ lấp đầy 88%, (ii) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục tác động khi các doanh nghiệp Trung Quốc dịch chuyển sản xuất vào VN, từ đó gia tăng mạnh mẽ nhu cầu các nhà máy xây sẵn với các tiêu chuẩn kỹ thuật cao, (iii) Theo JLL, khoảng 9793 ha đất dự kiến sẽ gia nhập thị trường trong 3 năm tới, miền Nam hứa hẹn sẽ là điểm đến cho các nhà đầu tư khu công nghiệp. Một số doanh nghiệp gồm: LHG có KCN Long Hậu 3 vị trí thuận lợi có khả năng cho thuê với 90 ha, NTC với KCN Nam Tân Uyên 3 bắt đầu thi công hạ tầng vào cuối Q2/2019 với diện tích cho thuê 255 ha.

Nguồn cung	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Tổng diện tích (ha)	4,206	9,813	10,774	7,953	2,992	3,298
Diện tích đất cho thuê (ha)	2,802	6,835	7,144	4,908	2,158	2,272
Tỷ lệ lấp đầy (%)	79%	87%	94%	62%	73%	36%

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

Giá thuê tăng:

- Giá cho thuê đất **tăng mạnh**, ở mức trung bình 80USD/m²/chu kỳ thuê, tăng 10.7% so với Q2/2018.
- Giá thuê nhà xưởng xây sẵn **tăng nhẹ**, giá thuê trung bình ở mức 2-5 USD/m²/tháng tính đến Q4/2018.
- Giá thuê đất ở Tp.HCM trung bình 156.8 USD/m²/chu kỳ thuê, trong khi các tỉnh khác 4 - 6 USD/m²/chu kỳ thuê.

Dự báo nhu cầu thuê đất/nhà xưởng tiếp tục tăng khi làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc, Đài Loan sẽ thúc đẩy giá thuê tiếp tục tăng trong thời gian tới. Số lượng nhà kho/nhà xưởng cũng sẽ tăng mạnh mẽ hơn với các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao của các doanh nghiệp.

Hiệu suất tài sản	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Giá thuê đất trung bình (USD/m ² /chu kỳ thuê)*	156.8	85.5	73.6	60.8	53.6	51.6
Giá thuê nhà xưởng trung bình (USD/m ² /tháng)	3.6	4.5	3.8	3.5	2.7	2.2

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

*Phí sử dụng hạ tầng và phí dịch vụ (không gồm thuế VAT) chưa bao gồm trong giá thuê trung bình.

Rủi ro:

- Dòng vốn FDI có thể chững lại trước những bất ổn, cũng như nhu cầu chậm lại của thế giới.
- Những thay đổi các chính sách, khó khăn trong triển khai xây dựng như chi phí đền bù tăng cao hay giải phóng mặt bằng khó khăn sẽ dẫn đến trì hoãn việc cho thuê.

CHUYÊN MỤC CHIA SẺ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Monthly Return of VNINDEX														
Year	T12	T11	T10	T9	T8	T7	T6	T5	T4	T3	T2	T1	Return year	
2000	22.6%	19.8%	16.7%	4.8%	13.4%								77.3%	
2001	-18.4%	10.8%	6.5%	-11.9%	-34.3%	-15.6%	23.8%	25.9%	19.2%	6.7%	2.7%	18.8%	34.3%	
2002	3.1%	0.1%	-2.5%	-5.0%	-3.0%	-2.2%	-2.4%	-0.7%	4.2%	4.7%	-7.9%	-11.8%	-23.4%	
2003	1.9%	20.3%	-2.2%	-2.4%	-2.5%	-3.9%	0.0%	-0.2%	4.9%	-11.7%	-4.5%	-6.0%	-6.2%	
2004	4.2%	-1.3%	-0.3%	0.3%	-2.5%	-4.5%	-0.9%	-4.7%	-4.7%	6.5%	21.6%	28.4%	42.1%	
2005	-1.2%	1.3%	6.2%	13.7%	3.7%	-0.5%	1.1%	-0.8%	-0.1%	4.9%	0.8%	-2.5%	26.4%	
2006	18.8%	23.8%	-2.9%	7.2%	16.3%	-18.1%	-4.3%	-9.5%	18.3%	28.9%	25.1%	1.6%	105.0%	
2007	-4.7%	-8.7%	1.7%	15.2%	0.0%	-11.4%	-5.3%	17.1%	-13.8%	-5.8%	9.3%	38.5%	32.3%	
2008	0.3%	-9.3%	-24.0%	-15.3%	19.4%	13.0%	-3.5%	-20.7%	1.1%	-22.1%	-21.4%	-8.9%	-91.5%	
2009	-1.9%	-14.1%	1.1%	6.2%	17.1%	4.1%	8.9%	28.0%	14.6%	14.2%	-19.0%	-3.9%	55.4%	
2010	7.3%	-0.2%	-0.4%	-0.1%	-7.9%	-2.6%	-0.1%	-6.4%	8.6%	0.5%	3.1%	-2.6%	-0.8%	
2011	-7.7%	-9.5%	-1.6%	0.7%	4.7%	-6.2%	2.7%	-12.2%	4.1%	-0.1%	-9.6%	5.4%	-29.4%	
2012	9.5%	-2.7%	-1.1%	-0.9%	-4.5%	-1.9%	-1.6%	-9.4%	7.4%	4.1%	9.2%	10.4%	18.6%	
2013	-0.6%	2.1%	1.0%	4.2%	-3.9%	2.2%	-7.2%	9.2%	-3.4%	3.5%	-1.1%	16.0%	22.0%	
2014	-3.7%	-5.7%	0.3%	-5.9%	6.8%	3.1%	2.9%	-2.8%	-2.3%	0.9%	5.4%	10.3%	9.2%	
2015	1.0%	-5.6%	8.0%	-0.4%	-9.1%	4.7%	4.1%	1.3%	2.0%	-7.0%	2.9%	5.6%	7.5%	
2016	0.0%	-1.6%	-1.4%	1.6%	3.4%	3.2%	2.2%	3.4%	6.6%	0.3%	2.6%	-5.8%	14.5%	
2017	3.6%	13.5%	4.1%	2.8%	-0.1%	0.9%	5.2%	2.8%	-0.6%	1.6%	1.9%	4.9%	40.6%	
2018	-3.7%	1.3%	-10.1%	2.8%	3.5%	-0.5%	-1.1%	-7.5%	-10.6%	4.7%	1.0%	12.8%	-7.3%	
2019	-1.0%												-1.0%	
Average monthly	1.5%	1.8%	0.0%	0.9%	1.1%	-2.0%	1.4%	0.7%	3.1%	1.9%	1.2%	6.2%	17.7%	

Mức tăng trung bình trong tháng 1 hàng năm kể từ năm 2012-2018 đạt 6.2%

Volume Volatility												
Year	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2000								492.6%	24.5%	-3.7%	30.3%	3.9%
2001	21.0%	40.7%	8.3%	1.0%	-37.0%	110.7%	-12.7%	0.4%	7.6%	8.8%	-44.3%	2.1%
2002	41.5%	21.9%	9.2%	-7.7%	32.8%	-54.0%	56.4%	-22.3%	-12.2%	-6.3%	-9.8%	8.1%
2003	-37.1%	35.6%	-2.0%	49.3%	-5.7%	-12.4%	3.6%	40.9%	-10.4%	110.4%	-19.4%	111.5%
2004	-20.6%	148.7%	1.2%	-14.9%	8.3%	-23.4%	-24.1%	80.7%	6.9%	-17.9%	35.8%	-24.0%
2005	-9.5%	-32.2%	113.4%	-35.0%	-28.5%	71.0%	6.6%	-8.3%	129.2%	19.7%	-29.8%	-25.1%
2006	-6.9%	32.3%	14.1%	33.6%	76.3%	-36.4%	-1.3%	58.6%	10.4%	-4.3%	33.2%	27.4%
2007	25.9%	5.7%	13.8%	-42.9%	20.0%	0.1%	-21.4%	-1.4%	64.3%	39.6%	-18.5%	-31.5%
2008	22.9%	31.9%	6.8%	-38.7%	-61.3%	160.4%	76.0%	41.0%	-1.1%	-27.9%	-5.2%	-27.3%
2009	-27.2%	8.7%	119.0%	102.4%	38.9%	4.7%	-37.5%	65.2%	27.5%	15.0%	-36.0%	-20.7%
2010	3.6%	-42.2%	97.1%	16.0%	6.3%	-24.2%	-10.6%	-7.3%	12.9%	-34.2%	3.7%	120.7%
2011	-49.0%	5.6%	-11.8%	-34.6%	13.8%	32.1%	-46.8%	49.6%	88.9%	-44.5%	-7.7%	15.2%
2012	-23.3%	128.2%	76.6%	1.4%	-0.7%	-40.6%	-24.4%	1.6%	-13.6%	-7.2%	-19.9%	82.9%
2013	80.2%	-7.9%	-36.6%	-0.8%	24.4%	11.0%	-41.7%	11.2%	4.1%	53.1%	38.5%	-5.6%
2014	-0.4%	73.8%	11.7%	-40.3%	0.8%	-18.7%	21.4%	14.7%	38.1%	-16.3%	-2.5%	-19.0%
2015	-2.8%	-24.3%	24.6%	-16.0%	25.1%	35.1%	-3.9%	-10.7%	-28.2%	29.6%	16.5%	-25.4%
2016	30.5%	-10.5%	24.9%	-10.7%	-13.4%	13.6%	5.9%	-14.4%	-0.9%	5.8%	-5.9%	-2.6%
2017	-14.5%	86.3%	9.6%	-9.0%	28.6%	-13.7%	7.2%	-0.3%	-26.1%	2.4%	23.8%	0.0%
2018	53.9%	-27.1%	0.9%	-9.2%	-29.1%	2.9%	11.6%	5.7%	11.1%	-6.1%	-25.1%	9.6%
2019	-21.1%											

Nhìn chung tháng 12 và tháng 1 hàng năm khối lượng giao dịch thường giảm hoặc ít biến động.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (gọi tắt là DAS) là thành viên của Tập đoàn tài chính Ngân hàng Đông Á, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. DAS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. DAS hiện là cổ đông lớn của nhiều công ty, và là chủ sở hữu của Công ty quản lý Quỹ đầu tư Đông Á. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

Hệ thống chi nhánh

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 2 & 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP. HCM

Điện thoại: (8428) 3833 6333

Fax: (028) 3833 3891

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3821 8666

Fax: (028) 3821.4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175

Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của DAS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được DAS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, DAS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi DAS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của DAS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.